

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH T
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/DS-ST

Ngày: 18-7-2023

V/v Tranh chấp đòi lãi suất chậm thực
hiện nghĩa vụ thi hành án dân sự

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH T, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lâm Thị Loan Em

Ông Nguyễn Công Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp đòi lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án dân sự” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị C (T), sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà Trần Ngọc Đ (N), sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/6/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Bùi Thị C trình bày:

Trước đây năm 2002 bà có thừa bà Đ tại Tòa án và Tòa án tỉnh Sóc Trăng giải quyết công nhận đất cho bà Đ và buộc bà Đ có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 20.000.000 đồng. Khi bản án có hiệu lực bà có yêu cầu cơ quan thi hành án thi hành nhưng bà Đ không có tài sản, nên cơ quan thi hành án có mời bà làm việc và kêu bà lấy phần đất cặp hai bên nhà của bà Đ để trừ tiền, nhưng do diện tích đất nhỏ hẹp không thể cất nhà và không thể bán được cho người khác nên bà không đồng ý lấy đất, thi hành án nói bán cho người khác lấy tiền thi hành cho bà, nhưng mãi đến nay cơ quan thi hành án mới giao cho bà số tiền 20.000.000 đồng, bà nhận cách đây khoảng vài tháng. Nay bà yêu cầu bà Đ phải trả cho bà

số tiền chậm thanh toán trên số gốc 20.000.000 đồng được tính từ ngày bản án có hiệu lực ngày 16/12/2002 đến ngày bà làm đơn khởi kiện ngày 01/6/2022 làm tròn 258 tháng x lãi suất 1,66%/tháng = 85.656.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 16/12/2022 và tại phiên tòa bị đơn bà Trần Ngọc Đ trình bày:

Năm 2002 bà C khởi kiện bà tại Tòa án huyện Thạnh T để yêu cầu bà trả lại đất, Tòa án huyện giải quyết buộc bà trả đất, do không đồng ý nên bà kháng cáo lên Tòa án tỉnh Sóc Trăng. Tòa án tỉnh Sóc Trăng giải quyết giao đất cho bà sử dụng và bà có nghĩa vụ hoàn trả cho bà C số tiền 20.000.000 đồng. Sau khi án có hiệu lực bà C yêu cầu thi hành án buộc bà giao trả tiền, do hoàn cảnh khó khăn nên bà không có tiền để giao trả và bà đồng ý cho Thi hành án kê biên phát mãi tài sản để thi hành án cho bà C là phần đất của bà nằm cặp hai bên hông nhà (một bên diện tích lớn hơn căn nhà bà đang ở và một bên hơi hẹp hơn nhà bà một chút), do nhà bà cất ngay giữa đất, sau đó thi hành án không bán được tài sản, nên thi hành án có động viên bà C nhận đất để cản trừ số tiền 20.000.000 đồng, bà C không đồng ý nên Chi cục thi hành án trả lại hồ sơ. Năm 2022 con bà vay được ngân hàng chính sách được 12.000.000 đồng nhờ chính sách của học sinh sinh viên, bà đi mượn thêm bên ngoài đủ 20.000.000 đồng và bà đã nộp toàn bộ tại Chi cục thi hành án huyện Thạnh T vào ngày 06/4/2022, thi hành án đã thi hành cho bà C số tiền trên. Nay bà C yêu cầu bà phải trả lãi chậm trả số tiền 85.656.000 đồng là bà không đồng ý, lý do không phải bà cố chấp không thi hành án mà thời điểm đó không có tiền để thi hành và bà cũng đã giao tài sản là đất để thi hành án phát mãi cho bà C nhưng không bán được, bà C cũng không chịu nhận đất, nên sự việc mãi đến nay mới thi hành được hoàn toàn không phải do lỗi của bà. Nay toàn bộ nội dung bà C khởi kiện bà không đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Từ khi thụ lý đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng với các quy định của pháp luật. Qua chứng cứ và kết quả tranh tụng tại Tòa có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự phát sinh từ giao dịch dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Nguyên đơn bà C yêu cầu bị đơn bà Đ trả lãi suất chậm trả kể từ ngày 16/12/2002 đến ngày khởi kiện 01/6/2022 tạm tính 258 tháng x 1,66%/tháng x

20.000.000 đồng = 85.656.000 đồng, căn cứ theo Bản án số 27/DSST ngày 13/11/2002 của Tòa án nhân dân huyện Thanh T và Bản án 40/DSPT ngày 08/4/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã có hiệu lực pháp luật thi hành. Bị đơn bà Đ không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do thời điểm bà C yêu cầu thi hành án bà không có tiền thi hành nhưng có đồng ý giao tài sản là đất cho thi hành án kê biên phát mãi nhưng không bán đấu giá được, bà C cũng không đồng ý nhận đất nên sự việc kéo dài không phải do lỗi của bà, đến ngày 06/4/2022 bà mới thi hành cho bà C số tiền phải thi hành án 20.000.000 đồng.

[3] Tại Bản án số 40/DSPT ngày 08/4/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã tuyên có nội dung: “*Tuyên xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Ngọc Đ. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Bùi Thị T ổn định cho hộ bà Trần Ngọc Đ được quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất bà đang sử dụng. Buộc hộ bà Trần Ngọc Đ có nghĩa vụ hoàn trả lại cho hộ bà Bùi Thị T tiền giá trị quyền sử dụng đất số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng)...*”.

Tại Công văn số 238/CV-CCTHADS ngày 03/7/2023 Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh T phúc đáp cho Tòa án về quá trình thi hành Bản án số 40/DSPT ngày 08/4/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng như sau:

Sau khi bản án có hiệu lực, bà T có đơn yêu cầu thi hành án số tiền 20.000.000 đồng, Đội thi hành án dân sự huyện Thanh Trị đã ban hành Quyết định thi hành án số 45/THA ngày 07/5/2004 buộc bà Đ cùng gia đình có trách nhiệm trả số tiền trên, thời gian tự nguyện là 15 ngày, tuy nhiên hết thời hạn trên bà Đ không chấp hành, nên thi hành án cưỡng chế kê biên tài sản của bà Đ vào ngày 02/11/2006, kê biên quyền sử dụng đất thổ cư có tổng diện tích 407,5m² gồm 02 phần, phần thứ nhất 5,5m x 36m và phần thứ hai 5,5m x 38,1m, giá trị tài sản là 24.000.000 đồng và đưa tài sản trên bán đấu giá, do tài sản không có người mua, người được thi hành án bà Bùi Thị T không đồng ý nhận tài sản để trừ số tiền thi hành án, nên thi hành án đã trả tài sản lại cho bà Đ, qua xác minh bà Đ không có tài sản khác để thi hành, nên Chi cục thi hành án dân sự đã ban hành Quyết định số 06/QĐ-TĐYC.THA ngày 12/6/2007 về việc trả đơn yêu cầu thi hành án. Đến ngày 06/4/2022 bà Đ đến Chi cục thi hành án dân sự tự nguyện nộp số tiền bồi hoàn 20.000.000 đồng và bà C đã nhận xong số tiền trên.

Xét thấy, quá trình thi hành bản án nêu trên, Chi cục thi hành án dân sự đã xác minh nhưng bà Đ không có điều kiện thi hành án, đến ngày 06/4/2022 bà Đ mới tự nguyện thi hành số tiền 20.000.000 đồng, bản án không có ghi nhận buộc bị đơn bà Đ phải chịu lãi suất chậm trả, thời điểm ban hành Bản án số 40/DSPT ngày 08/4/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng được thực hiện theo Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án dân sự năm 1989 và các quy định pháp luật tại thời điểm xét xử trên không bắt buộc người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả. Mặt khác, quá trình thi hành án, cơ quan thi hành án đã tiến hành đấu giá tài sản nhưng không có người mua nên giao phần đất kê biên cho bà C nhưng bà C từ chối nhận, thi hành án đã trả tài sản lại cho bà Đ, trả đơn yêu cầu thi hành án cho bà C nhưng bà C cũng không phản đối, không khiếu nại hoặc tiếp tục yêu cầu thi hành bản án nêu trên, mãi đến năm 2022 sau khi nhận số tiền 20.000.000 đồng từ bà Đ, bà C mới khởi kiện vụ án và yêu cầu tính lãi là chưa

đủ cơ sở để được chấp nhận. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lãi suất chậm thi hành án.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí số tiền 4.282.800 đồng (5%/giá trị tài sản tranh chấp), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.141.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002840 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh T, nguyên đơn còn phải tiếp tục nộp án phí số tiền 2.141.800 đồng.

[5] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện T là có cơ sở chấp nhận.

[6] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị C về việc buộc bị đơn bà Trần Ngọc Đ có nghĩa vụ trả lãi suất chậm thi hành án dân sự số tiền 85.656.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn bà Bùi Thị C phải chịu án phí số tiền 4.282.800 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.141.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002840 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh T, buộc nguyên đơn bà Bùi Thị C còn phải tiếp tục nộp án phí số tiền 2.141.800 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh T;
- CCTHADS huyện Thạnh T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Nghiệp

